TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 13-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Bé Ngoan**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thái H**, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã V, tỉnh Vĩnh Long (ấp C, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **Mai Thanh T**, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã V, tỉnh Vĩnh Long (ấp C, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thái H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mai Thanh T thành hôn vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 09/02/2011. Thời gian chung sống được 12 năm, lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, sống không còn hạnh phúc, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ly thân từ tháng 02/2023 đến nay không hàn gắn lại được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không thể tiếp tục được nữa,

mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với chị Mai Thanh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 19/4/2012 và Nguyễn Mai Thiên A, sinh ngày 11/5/2019 hiện đang sống chung với anh. Anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2025, bị đơn chị Mai Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị và anh Nguyễn Thái H thành hôn có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, sống không hợp nhau và vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay không hàn gắn lại được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 19/4/2012 và Nguyễn Mai Thiên A, sinh ngày 11/5/2019 hiện đang sống chung với anh H. Chị đồng ý để anh H được nuôi 02 con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Thái H vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị Mai Thanh T do tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung yêu cầu được tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thái H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Toà án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long) giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Mai Thanh T cư trú ấp C, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp C, xã V, tỉnh Vĩnh Long). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn Chị Mai Thanh T có đơn xin vắng mặt ngày 17/7/2025. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Mai Thanh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Nguyễn Thái H và chị Mai Thanh T thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thuận Thới, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09 vào ngày 09/02/2011 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh H và chị T thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ly thân từ tháng 02/2023 đến nay không hàn gắn được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị T có văn bản trình bày ý kiến xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H. Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh H và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh H là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 19/4/2012 và Nguyễn Mai Thiên A, sinh ngày 11/5/2019 hiện đang sống trực tiếp với anh H, anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý giao 02 con chung cho anh H nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu Hoàng Long có nguyện vọng sống chung với anh H và nhằm để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống của các cháu, Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho anh Nguyễn Thái H trực tiếp nuôi dưỡng, chị Mai Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Mai Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Thái H và chị Mai Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thái H có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Thái H. Xử cho anh H ly hôn với chị Mai Thanh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 19/4/2012 và Nguyễn Mai Thiên A, sinh ngày 11/5/2019 cho anh Nguyễn Thái H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Mai Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Thái H và chị Mai Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Thái H có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* anh H đã nộp theo biên lai thu số 0012116 ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS khu vực 4 – Vĩnh Long;
- UBND xã Vĩnh Xuân, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 09/02/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thuý An